

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/KDTM-ST.

Ngày: 12-7-2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đông

2. Ông Nguyễn Văn Du

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Viết Xuân Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Diệp Ngọc Dinh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP H; trụ sở chính: phường L, quận Đ, Hà Nội, địa chỉ liên hệ: phường N, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1992; ông Bùi Minh K, sinh năm 1982 và ông Bùi Văn C, sinh năm 1987; Nơi làm việc: phường N, Quận X, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 31/5/2024), có mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH MTV T; trụ sở: Khu X, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Văn S, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đinh Văn S, sinh năm 1983; thường trú: Thôn Y, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP H trình bày:

Trên cơ sở đề nghị vay vốn của Công ty TNHH MTV T (Công ty T), sau khi xem xét Ngân hàng TMCP H - chi nhánh C (gọi tắt là M) đồng ý ký với Công ty T Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1003/2023/HĐTD ngày 10/03/2023 với tổng hạn mức cấp tín dụng là 37.000.000.000 đồng trong thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 06/3/2023. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi ký hợp đồng hạn mức nêu trên, M đã giải ngân cho Công ty T vay cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ lần 1: 17.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 146 ngày từ ngày 23/3/2023, mục đích: tái tài trợ; lãi suất: 14%/năm cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng/8/2023; trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ

Kỳ 1, ngày 16/7/2023, trả: 5.620.000.000 đồng.

Kỳ 2, ngày 17/7/2023; trả 3.237.620.000 đồng.

Kỳ 3, ngày 17/7/2023, trả 4.744.000.000 đồng.

Kỳ 4, ngày 15/8/2023, trả 3.398.380.000 đồng.

Tổng: 17.000.000.000 đồng.

- Theo giấy nhận nợ số: 416262720230327217141; số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 28/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230328217826; số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 28/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230328217917: số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 28/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230329218521; số tiền 1.800.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 29/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 29/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230330218658; số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 30/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay. lãi quá hạn

150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230330218936; số tiền 750.000.000 đồng ngày: 30-3-2023; số tiền 750.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 28/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230330218870; số tiền 300.000.000 đồng ngày: 30-3-2023 mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230331219361; số tiền 550.000.000 đồng ngày: 31-3-2023 mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/9/2023.

Như vậy, tổng số tiền M đã giải ngân cho Công ty T vay là 22.000.000.000 đồng.

Về biện pháp bảo đảm:

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty T, ông Đinh Văn S đã thế chấp cho M tài sản: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 3222XY, Số vào sổ cấp GCN: CS 087XY do Sở TN&MT tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/5/2017 thuộc quyền sử dụng của ông Đinh Văn S, cập nhật ngày 01/02/2021. Thông tin cụ thể về TSBĐ như sau:

+ Thừa đất số: 11XY

+ Tờ bản đồ số: 06-1

+ Địa chỉ: Phường H, Thành phố T, Tỉnh Bình Dương

+ Diện tích: 1,141,1 m²

+ Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị (560m²), đất trồng cây lâu năm (581m²).

Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số 606 và các Phụ lục đi kèm uyên số 03/2023 ("Hợp đồng thế chấp"). Hợp đồng thế chấp được công chứng số 606, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/3/2023 và Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/3/2023 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Từ khi được giải ngân cho vay đến nay, Công ty T trả cho M được số tiền của từng khế ước như sau:

- Khế ước nhận nợ lần 1: Góc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 528.706.319 đồng.

- Khế ước 416262720230327217141: Gốc: 0 đồng; tiền lãi trong hạn: 5.576.712 đồng.

- Khế ước 416262720230328217826: Gốc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 5.576.712 đồng.

- Khế ước 416262720230328217917: Gốc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 9.294.521 đồng.

- Khế ước 416262720230329218521: Gốc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 32.893.151 đồng.

- Khế ước 416262720230330218658: Gốc 0 đồng; tiền lãi trong hạn: 8,979.452 đồng.

- Khế ước 416262720230330218936: Gốc: 0 đồng, tiền lãi trong hạn: 13.469.178 đồng

- Khế ước 416262720230330218870: Gốc: 0 đồng; tiền lãi trong hạn: 5.387.671 đồng.

- Khế ước 416262720230331219361: Gốc 0 đồng; tiền lãi trong hạn: 7.704.110 đồng.

Như vậy, Công ty T đã trả cho M được tổng cộng số tiền nợ: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 617.587.826 đồng.

Căn cứ thỏa thuận về thời hạn vay tại Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ, khi hết thời hạn vay Công ty T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ (bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn...) cho M. Mặc dù toàn bộ khoản nợ đã hết thời hạn vay, M đã nhiều lần liên hệ làm việc, yêu cầu Công ty T trả nợ nhưng Công ty T không trả nợ cho M. Tạm tính đến ngày 27/10/2023, Công ty T còn M số tiền:

- Nợ gốc: 22.000.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 465.091.044 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 930.182.089 đồng.

Tổng: 23.395.273.133 đồng (hai mươi ba tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng TMCP H khởi kiện yêu cầu như sau:

1. Buộc Công ty TNHH MTV T phải trả cho Ngân hàng TMCP H ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 27/10/2023 là 23.395.273.133 đồng (hai mươi ba tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn một trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 22.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 465.091.044 đồng; nợ lãi quá hạn là 930.182.089 đồng.

Kể từ ngày 28/10/2023, Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp Công ty TNHH MTV T không trả hoặc trả ng không đầy đủ, Ngân hàng TMCP H được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11XY, tờ bản đồ

số 06-1 tại địa chỉ phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương của ông Đinh Văn S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 3222XY, Số vào sổ cấp GCN: CS 087XY do Sở TN&MT tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/5/2017, cập nhật thay đổi ngày 01/12/2021.

Bị đơn - Công ty TNHH MTV T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đinh Văn S không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1003/2023/HĐTD ngày 10/03/2023. Khế ước nhận nợ 23/3/2023, các giấy nhận nợ số: 416262720230327217141 ngày 28/3/2023, số 416262720230328217826 ngày 28/3/2023, số 416262720230328217917 ngày 28/3/2023, số 416262720230329218521 ngày 29/3/2023, số 416262720230330218658 ngày 30/3/2023, số 416262720230330218936 ngày: 30/3/2023, số 416262720230330218870, ngày: 30/3/2023, số 416262720230331219361 ngày: 31-3-2023. Có căn cứ xác định Công ty T có vay Ngân hàng TMCP H số tiền 22.000.000.000 đồng (hai mươi hai tỷ đồng) Công ty T đã được nhận khoản tiền vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản với số tiền 17.000.000 000 đồng. Số tiền còn lại Ngân hàng TMCP H chuyển khoản vào tài khoản của Công ty TNHH MTV A do Công ty T thanh toán tiền mua hàng của Công ty TNHH MTV A. Đến ngày khởi kiện (31/10/2023) các khoản nợ trên đều vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi nên căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ gốc và lãi suất.

Để bảo đảm cho khoản vay cho Công ty T, ông Đinh Văn S đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 606 và các Phụ lục đi kèm uyên số 03/2023 ("Hợp đồng thế chấp"). Hợp đồng thế chấp được công chứng số 606, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/3/2023 và Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/3/2023 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số: 11XY, tờ bản đồ số: 06-1, tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, diện tích 1.141,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 3222XY, Số vào sổ cấp

GCN: CS 087XY do Sở TN&MT tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/5/2017 cho ông Đinh Văn S, cập nhật ngày 01/02/2021, Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được các bên tự nguyện ký kết, hợp đồng được công chứng chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T phù hợp với quy định tại các Điều 299, 303, 317, 318, 319 và 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm và Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản nêu trên thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét khế ước nhận nợ lần 1: 17.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 146 ngày từ ngày 23/3/2023, mục đích: tái tài trợ; lãi suất: 14%/năm cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 15/8/2023; trả nợ nhiều lần theo lịch trả nợ

Kỳ 1, ngày 16/7/2023, trả: 5.620.000.000 đồng.

Kỳ 2, ngày 17/7/2023; trả 3.237.620.000 đồng.

Kỳ 3, ngày 17/7/2023, trả 4.744.000.000 đồng.

Kỳ 4, ngày 15/8/2023, trả 3.398.380.000 đồng.

Tổng: 17.000.000.000 đồng.

- Theo giấy nhận nợ số: 416262720230327217141; số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 28/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230328217826; số tiền 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 28/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230328217917: số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 28/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 28/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230329218521; số tiền 1.800.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 29/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá

hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 29/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230330218658; số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 30/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay. lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230330218936; số tiền 750.000.000 đồng ngày: 30-3-2023: số tiền 750.000.000 đồng; thời hạn vay: 6 tháng từ ngày 28/3/2023, mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230330218870; số tiền 300.000.000 đồng ngày: 30-3-2023 mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/9/2023.

- Theo giấy nhận nợ số 416262720230331219361; số tiền 550.000.000 đồng ngày: 31-3-2023 mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán nội địa; lãi suất: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn vay, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường; thời hạn trả nợ lãi 1 tháng/lần vào ngày 26; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/9/2023

Như vậy theo khế ước nhận nợ và các giấy nhận nợ trên có căn cứ xác định Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh C có ký kết hợp đồng tín dụng để cho Công ty TNHH MTV T vay tổng số tiền là 22.000.000.000 đồng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn bằng hình thức chuyển khoản và thanh toán nợ thay cho bị đơn với tổng 22.000.000.000 đồng. Đối với từng khoản vay hai bên đã thỏa thuận thời hạn trả nhưng đến khi nguyên đơn khởi kiện (ngày 31/10/2023) các khoản vay đều vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 22.000.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, xét thấy: Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng tại **Điều 13 về lãi suất cho vay** như sau: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa”*.

Hiện nay Ngân hàng nhà nước không quy định về mức lãi suất tối đa và khi ký kết hợp đồng các bên đã thỏa thuận lãi suất nên phải có nghĩa vụ thực hiện sự thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã trả cho M được tổng cộng số tiền lãi trong hạn: 617.587.826 đồng. Từ ngày 27/3/2023 đến nay theo từng khế ước nhận nợ, Công ty đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả lãi đối với Ngân hàng, liên tục không trả lãi trong các kỳ. Số tiền lãi trong hạn Công ty còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử là 615.849.160 đồng; lãi quá hạn 3.912.801.370 đồng. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty T, ông Đinh Văn S đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 606 và các Phụ lục đi kèm theo ("Hợp đồng thế chấp"). Hợp đồng thế chấp được công chứng số 606, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/3/2023 và Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/3/2023 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố T, Tỉnh Bình Dương đối với thửa đất số: 1107, tờ bản đồ số: 06-1, tọa lạc tại phường H, Thành phố T, Tỉnh Bình Dương, diện tích 1.141,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 322299, Số vào sổ cấp GCN: CS 08748 do Sở TN&MT tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/5/2017, cập nhật biến động ngày 01/02/2021 cho ông Đinh Văn S. Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được các bên tự nguyện ký kết, hợp đồng được công chứng chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T là phù hợp với quy định tại các Điều 299, 303, 317, 318, 319 và 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm và Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì người thế chấp là ông S đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản nêu trên thế chấp để thu hồi nợ do đó ông Sơn phải thực hiện thỏa thuận này. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này đối với nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H đối với bị đơn Công ty TNHH MTV T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Về số tiền nợ:

- Công ty TNHH MTV T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền 26.528.650.530 đồng (hai mươi sáu tỷ năm trăm hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn năm trăm ba mươi), trong đó:

Số tiền nợ gốc: 22.000.000.000 đồng (hai mươi hai tỷ)

Số tiền nợ lãi trong hạn: 615.849.160 đồng (sáu trăm mười lăm triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn một trăm sáu mươi)

Số tiền nợ lãi quá hạn: 3.912.801.370 đồng (ba tỷ chín trăm mười hai triệu tám trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi)

- Từ ngày 13/7/2024 trở đi, Công ty TNHH MTV T còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1003/2023/HĐTD ngày 10/03/2023, khế ước nhận nợ 23/3/2023 và các giấy nhận nợ số: 416262720230327217141 ngày 28/3/2023, số 416262720230328217826 ngày 28/3/2023, số 416262720230328217917 ngày 28/3/2023, số 416262720230329218521 ngày 29/3/2023, số 416262720230330218658 ngày 30/3/2023, số 416262720230330218936 ngày: 30/3/2023, số 416262720230330218870, ngày: 30/3/2023, số 416262720230331219361 ngày: 31-3-2023 cho đến khi Công ty TNHH MTV T trả xong khoản nợ.

1.2. Trường hợp Công ty TNHH MTV T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

Phần đất thuộc thửa số 11XY, tờ bản đồ số: 06-1, tọa lạc tại phường H, Thành phố T, Tỉnh Bình Dương, diện tích 1.141,1 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 3222XY, Số

vào số cấp GCN: CS 087XY do Sở TN&MT tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/5/2017, cập nhật biến động ngày 01/02/2021 cho ông Đinh Văn S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH MTV T phải chịu số tiền 134.528.651 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi một).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP H số tiền 65.698.000 đồng (sáu mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000578 ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí